

Số: 425 /TB-NĐND

Lạng Sơn, ngày 12 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v: Kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đối với Quyền xử lý, khai thác, tiêu thụ tro xỉ trong quá trình sản xuất và Tro xỉ tồn trên bãi chứa tro xỉ của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14, ngày 17/11/2016; Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-NĐND ngày 15/5/2026 của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV về việc thành lập Tổ Lựa chọn nhà thầu, triển khai thực hiện các công việc tiêu thụ tro xỉ của NMNĐ Na Dương;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-NĐND ngày 01/6/2026 của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV về việc Phê duyệt giá khởi điểm, chào bán đấu giá và điều chỉnh kế hoạch lựa chọn đơn vị xử lý, tiêu thụ tro xỉ của NMNĐ Na Dương;

Căn cứ Thông báo số 371/TB-NĐND ngày 01/6/2026 của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đối với Quyền xử lý, khai thác, tiêu thụ tro xỉ trong quá trình sản xuất và Tro xỉ tồn trên bãi chứa tro xỉ của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV;

Căn cứ hồ sơ của các đơn vị, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản;

Căn cứ Biên bản đáng giá, chấm điểm ngày 11/6/2026 của Tổ Lựa chọn nhà thầu, triển khai thực hiện các công việc tiêu thụ tro xỉ của NMNĐ Na Dương;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-NĐND, ngày 12/6/2026 của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV về việc phê duyệt kết quả Lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đối với Quyền xử lý, khai thác, tiêu thụ tro xỉ trong quá trình sản xuất và Tro xỉ tồn trên bãi chứa tro xỉ của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV.

Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV Thông báo kết quả Lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đối với Quyền xử lý, khai thác, tiêu thụ tro xỉ trong quá trình sản xuất và Tro xỉ tồn trên bãi chứa tro xỉ của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, với các nội dung như sau:

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tên tài sản, số lượng tài sản đấu giá



Quyền xử lý, khai thác, tiêu thụ tro xỉ trong quá trình sản xuất và tro xỉ tồn trên bãi chứa tro xỉ của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, chi tiết như sau:

Stt	Tài sản đấu giá	Đvt	Khối lượng chào bán
1	Tro xỉ sản sinh sau quá trình sản xuất của NMNĐ Na Dương trong vòng 01 năm	m ³	300.000
2	Tro xỉ tồn trên bãi chứa tro xỉ của NMNĐ Na Dương	m ³	3.675.000
-	Tổng cộng	m³	3.975.000

2. Giá khởi điểm tài sản đấu giá

Tổng giá khởi điểm của tài sản đấu giá là:

STT	Tên hàng hoá	Đơn giá (đồng/m ³)	Khối lượng dự kiến (m ³)	Thành tiền (đồng)
1	Tro xỉ sản sinh sau quá trình sản xuất của NMNĐ Na Dương trong vòng 01 năm	3.000	300.000	900.000.000
2	Tro xỉ tồn trên bãi chứa tro xỉ của NMNĐ Na Dương	3.000	3.675.000	11.025.000.000
-	Tổng cộng		3.975.000	11.925.000.000

Bảng chữ: Mười một tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu đồng./.

Mức giá trên là mức giá tối thiểu, đã bao gồm thuế GTGT và không bao gồm chi phí bốc xúc, nâng hạ, vận chuyển và các chi phí phát sinh khác có liên quan (nếu có).

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn

- Công ty Đấu giá Hợp danh Trường Sơn.

+ Địa chỉ: Lô 3, khu A1-A2-A3 phường Long Biên, TP Hà Nội;

+ ĐT: 0522 169 888;

+ Chủ doanh nghiệp: Ông Dương Văn Trình;

+ Mã số thuế: 0108354519.

- Tổng số điểm của tổ chức đấu giá được lựa chọn: **92,7 điểm.**

4. Tổ chức đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không.

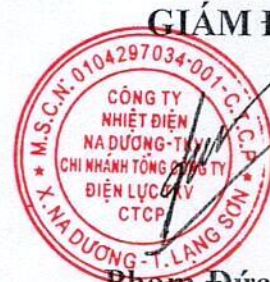
II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn).

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Công ty Nhiệt điện Na Dương-TKV trân trọng Thông báo! *lv*

Nơi nhận: *lv*

- Trang thông tin điện tử của BTP (để đăng tải);
- Trang Web TKV (để đăng tải);
- Trang Web dienluctkv (để đăng tải);
- Công ty Đấu giá Hợp danh Trường Sơn;
- PGĐ, KTT (e-copy);
- Phòng KTAT, Tô 286 (e-copy);
- Lưu: VT, KHĐT, LĐT.



GIÁM ĐỐC

Phạm Đức Tuyên

703
G T
DIỆ
NG-
JNG C
JC TH
CP
T.V

Phụ lục
Kết quả chấm điểm

(Đính kèm theo Thông báo số 425 /TB-NĐND ngày 12/6/2026)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA	NHÀ THẦU THAM GIA NỘP HỒ SƠ					GHI CHÚ
			Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản-Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn	Công ty Đấu giá Hợp danh An Nam	Công ty Đấu giá Hợp danh Nhất An Phú	Công ty Đấu giá Hợp danh Bắc Trung Nam	Công ty Đấu giá Hợp danh Trường Sơn	
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố							
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện	
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện						
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19	19	19	19	19	19	
1.	<i>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</i>	10	10	10	10	10	10	
1.1	<i>Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc</i>	5	5	5	5	5	5	

1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5	5	5	5	5	5	
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5	5	5	5	5	5	
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2	2	2	2	2	2	
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3	3	3	3	3	3	
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên	2	2	2	2	2	2	
	Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp							
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1	1	1	1	1	1	
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1	1	1	1	1	1	
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16	16	16	16	16	16	
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4	4	4	4	4	4	
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2	2	2	2	2	2	
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2	2	2	2	2	2	

2.	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>	4	4	4	4	4	4
3.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>	4	4	4	4	4	4
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2	2	2	2	2	2
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2	2	2	2	2	2
4.	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùn giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>	4	4	4	4	4	4
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57	45,1	55,9	53,8	56,0	54,7
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)	15	15	15	15	15	15
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.						
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>	12					
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>	13					
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>	14					
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	15	15	15	15	15	15
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề	7	4	7	7	7	7
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.						
2.1	<i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả</i>	4	4				

	trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)							
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5						
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6						
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7		7	7	7	7	
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)	7	5	7	7	7	7	
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.							
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4						
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5	5					
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6						
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7		7	7	7	7	
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)	3	0,1	2,9	2,8	3,0	0,7	
	Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.							
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm	3	0,1	2,9	2,8	3,0	0,7	

	trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm						
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:						
	Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$						
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$						
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)	7	7	6	5	6	7
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.						
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4					
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5			5		
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6		6		6	
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7	7				7
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	4	3	4	4	4	4
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.						

6.1	01 đấu giá viên	2						
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3	3					
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4		4	4	4	4	
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4	4	4	3	4	4	
7.1	Dưới 05 năm	2						
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3			3			
7.3	Từ 10 năm trở lên	4	4	4		4	4	
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5	4	5	5	5	5	
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3						
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4	4					
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian	5		5	5	5	5	

	<i>hành nghề từ 05 năm trở lên</i>							
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì cơ bản bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)	5	3	5	5	5	5	
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.							
9.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	3	3					
9.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	4						
9.3	<i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>	5		5	5	5	5	
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8	4	0	0	1	3	
1.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	1				1		
2.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố	4	4					

	nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.						
3.	Tổ chức đấu giá tài sản có thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản nhiều năm nhất tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực). Chỉ tổ chức hành nghề đấu giá có thời gian hoạt động lâu năm nhất mới được tính điểm.	3					3
Tổng số điểm		100	84,1	90,9	88,8	92,0	92,7